

Bản án số: **38/2024/HNGĐ-ST**.

Ngày: 08/11/2024.

“V/v: Ly hôn giữa chị Vân và anh Vương”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Khắc Vũ.
2. Ông Nguyễn Văn Thi.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thuỳ - Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 08/11/2024, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2024 về tranh chấp: **“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26 /2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị V, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Làng Đ, xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn V1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Làng Đ, xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị V và anh V1 đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị V và anh Triệu Văn V1 qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/6/2003.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị V trình bày là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, mỗi người một suy nghĩ khác nhau, vợ chồng

không đồng thuận nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống. Anh V1 thường xuyên uống rượu chè rồi vũ phu với vợ con, không tôn trọng vợ con và không chung thủy với vợ nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V1.

Về phía bị đơn anh V1, anh trình bày quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian dài thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị V đi làm ăn xa, vợ chồng không có gần gũi nhau nhiều nên dần dần cuộc sống vợ chồng xa cách, không có tiếng nói chung. Nay anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, chị V yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý.

2. Về con chung: Chị V và anh V1 có 04 con chung tên Triệu Thị T, sinh năm 2004; Triệu Thị T1, sinh ngày 02/01/2006; Triệu Văn T2, sinh ngày 27/01/2009 và Triệu Thị V2, sinh ngày 19/9/2010. Hiên cháu T và cháu T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên cả anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T2 và cháu V2, trong đơn khởi kiện chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V2 và giao cháu T2 cho anh V1 được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Tuy nhiên, sau khi cháu T2 và cháu V2 trình bày nguyện vọng muốn được anh V1 trực tiếp nuôi dưỡng thì chị V đã trình bày quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu T2 và cháu V2 cho anh V1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động và chị không cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh V1 trình bày cháu T2 và cháu V2 được anh trực tiếp nuôi dưỡng nên anh đồng ý với quan điểm của chị V về giải quyết nuôi con chung khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh V1 có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Triệu Văn V1 và Nông Thị V (bản chính); 04 Căn cước công dân mang tên Triệu Văn V1, Nông Thị V, Triệu Thị T và Triệu Thị T1 (đều là bản photo); 02 Giấy khai sinh mang tên Triệu Văn T2 và Triệu Thị V2 (đều là bản sao);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị V và anh V1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/6/2003; anh chị có 04 con chung tên Triệu Thị T, sinh năm 2004; Triệu Thị T1, sinh ngày 02/01/2006; Triệu Văn T2, sinh ngày 27/01/2009 và Triệu Thị V2, sinh ngày 19/9/2010. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị V giao nộp là 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Triệu Văn V1 và Nông Thị V (bản chính), 02 Căn cước công dân mang tên Triệu Thị T và Triệu Thị T1 (đều là bản photo); 02 Giấy khai sinh mang tên Triệu Văn T2 và Triệu Thị V2 (đều là bản sao).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng các Điều 28, 35, 39, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015; các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật HN&GD năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để công nhận thỏa thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị V và anh Triệu Văn V1.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Triệu Văn T2, sinh ngày 27/01/2009 và Triệu Thị V2, sinh ngày 19/9/2010 cho anh V1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động và chị V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm (LHST)*: Nguyên đơn chị Nông Thị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng dân sự*: Chị Nông Thị V có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Triệu Văn V1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị V và bị đơn anh V1 đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị V và anh Triệu Văn V1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/6/2003 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị V trình bày là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, mỗi người một suy nghĩ khác nhau, vợ chồng không đồng thuận nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống. Anh V1 thường xuyên uống rượu chè rồi vũ phu với vợ con, không tôn trọng vợ con và không chung thủy với vợ nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V1. Về phía bị đơn anh Triệu Văn V1, anh trình bày quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị V đi làm ăn xa, vợ chồng không có gần gũi nhau nhiều nên dần dần cuộc sống vợ chồng xa cách, không có tiếng nói chung nên anh đồng ý ly hôn với chị V. Như vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh V1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị cùng đồng thuận ly hôn nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 55 của Luật HN&GD năm 2014 để công nhận thỏa thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] *Về con chung*: Chị V và anh V1 có 04 con chung tên Triệu Thị T, sinh năm 2004; Triệu Thị T1, sinh ngày 02/01/2006; Triệu Văn T2, sinh ngày 27/01/2009 và Triệu Thị V2, sinh ngày 19/9/2010. Cháu T và cháu T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T2 và cháu V2, anh chị cùng thống nhất giao hai cháu cho anh V1 được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động và chị V không

phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Xét thỏa thuận này của anh chị là tự nguyện và đúng pháp luật nên được HĐXX công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nông Thị V và anh Triệu Văn V1 có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí LHST: Chị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị V và anh Triệu Văn V1.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận của chị V và anh V1, giao cháu Triệu Văn T2, sinh ngày 27/01/2009 và Triệu Thị V2, sinh ngày 19/9/2010 cho anh V1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động và chị V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Nông Thị V phải chịu án phí LHST là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm

ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0002250 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chị V đã nộp đủ án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM ND

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:

THẨM

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên

